

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TH PHỐ B  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 25 tháng 9 năm 2022  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TH PHỐ B**

**- *Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Vượng.
2. Ông Nguyễn Văn Tư.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Tòa án

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Th phố B tham gia phiên tòa:*** Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Th phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 239/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. *Nguyên đơn:*** Anh Trần Ngọc C, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Ch, xã LP, huyện H, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền (về vấn đề chia tài sản khi ly hôn) đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh C: Ông Trần Quang Đ - Luật sư Công ty TNHH BM, Đoàn luật sư tỉnh V; Địa chỉ: Số 08, phố Trần Quang S, phường Liên B, Th phố VY, tỉnh V.

(Anh C, ông Đ có mặt)

**2. *Bị đơn:*** Chị Mai Thị L, sinh năm 1984;

HKTT: Thôn Ch, xã LP, huyện H, tỉnh B.

Nơi ở hiện tại: Số 233, đường MĐ, phường MĐ, Th phố B, tỉnh B.

Nơi công tác: Tr THCS TM, Th phố B, tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L: Ông Nguyễn Văn N - Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn N, Đoàn luật sư tỉnh B;

Địa chỉ: Số nhà 187, đường CT, phường HVT, Th phố B, tỉnh B.

(Chị L, ông N có mặt)

**3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:***

- Ông Trần Duy H, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Thôn Ch, xã LP, huyện H, tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H: Ông Nguyễn Văn P - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B.

(Ông H, ông P có mặt)

- Anh Trần Văn Th, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn Ch, xã LP, huyện H, tỉnh B.

(Có mặt)

4. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN;

Địa chỉ: Số 198 Trần Quang K, phường Lý Thái T, quận HK, Thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Hồng T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN Chi nhánh B (Giấy ủy quyền số 499/UQ-VCB-PC ngày 15/10/2021) và ông Trần Xuân D - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN Chi nhánh B (Giấy ủy quyền số 305A/UQ-BGI-HCNS ngày 25/4/2022).

(Vắng mặt)

- Công ty cổ phần đầu tư quốc tế HH;

Địa chỉ: Số 167, tổ 3, phường Phan Đình P, Thành phố TN, tỉnh TN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

(Vắng mặt)

- Anh Vũ Văn C1, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số 314, D17, Khu đô thị ĐX, huyện GL, Thành phố HN.

(Có mặt)

- Chị Nguyễn Thị Thu P1, sinh năm 1987;

HKTT: Thôn Tây HĐ, xã BG, huyện LT, tỉnh V.

Địa chỉ liên hệ: Tổ 2, thị trấn QM, huyện ML, tỉnh V.

(Có mặt)

- Ngân hàng TNHH Một Thành viên SC VN;

Địa chỉ: Phòng 018F, tầng 18, Keangnam HN Landmark, E6, đường Phạm H, quận CG, Thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông W - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông AM - Chức vụ: Giám đốc bộ phận thẻ tín dụng và vay tiêu dùng (Giấy ủy quyền ngày 05/5/2022).

(Vắng mặt)

- Ngân hàng TNHH Một Thành viên SVN;

Địa chỉ: Tầng trệt, tầng lửng, tầng 2,3,11,15 Tòa nhà Empress, số 138-142 Hai Bà Tr, phường ĐK, quận 1, Thành phố HCM.

Người đại diện theo pháp luật: Ông K - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Lê Thị L1 - Chức vụ: Trưởng phòng thu hồi nợ; Ông Nguyễn Anh Đ - Chức vụ: Cán bộ; Ông Vũ Ngọc B - Chức vụ: Cán bộ (Giấy ủy quyền số 461 ngày 12/9/2022)

(Vắng mặt)

- Văn phòng công chứng Vũ Anh Hg;

Địa chỉ: Số 01, ngõ 01, đường LD1, xã TT, Thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Anh Hg - Chức vụ: Trưởng văn phòng.

(Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Ngọc C trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Mai Thị L đăng ký kết hôn ngày 23/02/2017 tại UBND xã PL, huyện QV, tỉnh BN và đã được cấp giấy đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trước khi kết hôn, anh và chị L có được tự do tìm hiểu, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có được bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa P. Sau khi cưới, anh và chị L ở riêng, chỉ có một thời gian ngắn chung sống cùng bố mẹ đẻ anh (khi chị L sinh con đầu thì ở 5 tháng, khi chị L sinh thứ hai thì ở 3 tháng).

Trong quá trình chung sống, anh và chị L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong nhiều vấn đề của cuộc sống hàng ngày. Kể từ tháng 4/2020 đến nay, anh và chị L chính thức ly thân, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nhưng thực tế, từ khoảng tháng 8/2019 thì anh và chị L đã mỗi người ở một nơi, phần vì công việc, phần vì có nhiều mâu thuẫn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn chị Mai Thị L.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Trần Mai P2, sinh ngày 14/08/2017 và Trần Đình Minh Đ, sinh ngày 17/02/2019. Hiện nay cả 2 con chung đều đang ở với chị L tại số nhà 233, tổ 1, phường MĐ, thành phố B, tỉnh B. Sau khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi con chung Trần Mai P2 và không đề nghị chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Anh không đồng ý chị L được nuôi cả 2 con chung vì chị L cản trở việc thăm nom con từ khi anh và chị L ly thân. Anh đang làm quản lý bộ phận chất lượng của công ty TNHH RRD tại HN, thu nhập khoảng 40.000.000 đồng/tháng đủ điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh xác định trong quá trình chung sống, anh và chị L có những tài sản chung sau:

+ 01 căn hộ chung cư số 1903 có diện tích 57m<sup>2</sup> thuộc chung cư Areca BV, phường DK, thành phố B, đã được Sở Tài nguyên và môi Tr tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 403872 ngày 07/6/2021 mang tên Trần Ngọc C.

+ Số tiền 57.200.000 đồng là tiền góp vốn để mua lô đất số 67 và lô đất số 66 tại khu dân cư phường CĐ, thành phố SC, tỉnh TN theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 29/HĐHH/2018 và Hợp đồng góp vốn đầu tư số 30/HĐHH/2018 ngày 15/6/2018 với Công ty cổ phần đầu tư quốc tế HH.

Chị L xác định số tiền góp vốn 627.200.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng là không chính xác. Vì căn cứ Thỏa thuận góp vốn ngày 12/5/2018 giữa anh với anh Vũ Văn C1, chị Nguyễn Thị Thu P (có 2 người làm chứng là anh Vi Trí C2 và anh Hg Mạnh Tr) thì anh chỉ góp vốn 57.200.000 đồng.

Đối với Quyền sử dụng 80 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 817, tờ bản đồ: số 35, địa chỉ: Khu dân cư số 4, đường 295B, xã TM, thành phố B, tỉnh B. Đất được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên Trần Ngọc C, số CN023937 do UBND Th phố B cấp ngày 20/4/2018, anh xác định đây là tài sản riêng của anh. Vì để mua được tài sản này anh đã bán 01 lô đất là tài sản riêng của anh ở xã QC, huyện VY ngày 08/01/2018 với giá 600.000.000 đồng và vay ông Trần Duy H là bố đẻ số tiền 50.000.000 đồng.

Đối với chiếc 01 xe ô tô KIA MORNING biển kiểm soát 30E-165.21, màu sơn ghi, xe đã qua sử dụng không phải là tài sản chung của anh và chị L vì xe này của anh Trần Văn Th.

Đối với yêu cầu bổ sung của chị L về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố 02 văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa anh và chị L ngày 17/01/2022 tại Văn phòng Công chứng Vũ Anh Hg vô hiệu, quan điểm của anh là không nhất trí vì trong quá trình giải quyết vụ án, anh và chị L có thỏa thuận về việc chia tài sản như sau: chị L sẽ toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt căn hộ chung cư số 1903 có diện tích 57m<sup>2</sup> thuộc chung cư Areca BV, phường DK, Th phố B; còn anh sẽ toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt các tài sản chung còn lại của 2 vợ chồng, đồng thời trả toàn bộ các khoản nợ.

Để thực hiện được thỏa thuận trên, anh đã phải vay anh Trần Văn Th số tiền 300.000.000 đồng để thanh toán khoản nợ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN để lấy về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với Quyền sử dụng 80 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 817, tờ bản đồ: số 35, địa chỉ: Khu dân cư số 4, đường 295B, xã TM, Thành phố B, tỉnh B. Sau khi lấy được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở Ngân hàng về, ngày 17/01/2022 tại Văn phòng Công chứng Vũ Anh Hg, anh và chị L có đề nghị lập văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng theo như thỏa thuận trên. Tuy nhiên, văn phòng công chứng có giải thích với anh và chị L rằng chỉ có thể lập văn bản thỏa thuận đối với Quyền sử dụng 80 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 817 tại xã TM và căn hộ chung cư số 1903 tại chung cư Areca BV, còn các tài sản khác thì không thể lập văn bản thỏa thuận được. Do vậy, ngày 17/01/2022, anh và chị L đã lập 02 văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân với nội dung: giao tài sản chung của anh và chị L là Quyền sử

dụng 80 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 817, tờ bản đồ: số 35, địa chỉ: Khu dân cư số 4, đường 295B, xã TM, Thành phố B, tỉnh B cho anh toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt; giao tài sản chung của anh và chị L là căn hộ chung cư số 1903 có diện tích 57m<sup>2</sup> thuộc chung cư Areca BV, phường DK, Thành phố B cho chị L toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt. Sau khi ký văn bản tại văn phòng công chứng xong, anh và chị L đều nộp luôn hồ sơ tại Bộ phận 1 cửa của UBND Thành phố để đề nghị chỉnh lý sang tên tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi anh và chị L nộp hồ sơ tại Bộ phận 1 cửa của UBND Thành phố thì chị L có nói với anh là anh cố tình giấu giếm tài sản khác mà không thông báo cho chị L biết. Chị L trình bày như thế là không đúng, không tôn trọng thỏa thuận ban đầu giữa anh và chị L. Thực tế, khi chị L nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung, anh đã nộp đầy đủ văn bản thể hiện quan điểm và các tài liệu kèm theo cho Tòa án. Tuy anh không gửi các tài liệu trên cho chị L nhưng quá trình làm việc tại Tòa án, anh có thông báo, trao đổi (bằng miệng) với chị L về quan điểm của anh, cũng như các tài liệu liên quan đến tài sản chung của vợ chồng mà anh nộp kèm. Do vậy, quan điểm của anh là không chấp nhận yêu cầu trên của chị L. Trường hợp Tòa án tuyên bố 02 văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa anh và chị Mai Thị L ngày 17/01/2022 tại Văn phòng Công chứng Vũ Anh Hg vô hiệu thì anh không yêu cầu giải quyết hậu quả của văn bản vô chứng vô hiệu.

\*Về công nợ chung:

- Ban đầu khi anh nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, anh và chị L còn nợ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN số tiền tạm tính đến tháng 10/2021 là khoảng 300.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay số 84/18/TH/CN/BG-BL ngày 20/7/2018. Mục đích vay là để mua căn hộ chung cư số 1903 tại chung cư Areca BV. Để đảm bảo cho khoản vay này, anh và chị L có thể chấp Quyền sử dụng 80 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 817, tờ bản đồ: số 35, địa chỉ: Khu dân cư số 4, đường 295B, xã TM, Thành phố B, tỉnh B. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh và chị L có thương lượng, thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản. Để đạt được thỏa thuận với chị L, cá nhân anh đã phải vay tiền trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN để làm thủ tục rút Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 817, tờ bản đồ: số 35, địa chỉ: Khu dân cư số 4, đường 295B, xã TM, Thành phố B, tỉnh B. Hiện nay, khoản nợ này tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN đã được tất toán xong.

- Nợ ông Trần Duy H 100.000.000 đồng. Thời điểm vay là khoảng tháng 4/2018 (vay 50.000.000 đồng) và khoảng tháng 12/2019 (vay năm 50.000.000 đồng), khi vay không có giấy tờ gì, mục đích vay để mua thửa đất số 817 tại xã TM và căn hộ chung số 1903 tại chung cư Areca BV. Anh có thông báo khoản nợ trên cho chị L biết, tuy nhiên anh không có tài liệu chứng cứ, chứng minh. Ông H

yêu cầu anh và chị L trả khoản nợ 100.000.000 đồng, quan điểm là nhất trí với yêu cầu của ông H.

- Nợ anh Trần Văn Th 300.000.000 đồng. Anh vay tiền anh Th là ngày 08/01/2022, mục đích vay tiền là để trả nợ Ngân hàng Ngoại thương, lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về để thỏa thuận việc phân chia tài sản với chị L. Anh và anh Th không thỏa thuận về thời hạn trả nợ, lãi suất là 12%/năm. Khi vay, anh có viết giấy giấy vay với anh Th. Anh xác định khoản vay này tuy chỉ một mình anh ký giấy vay, chị L không ký và không được thông báo về khoản vay này nhưng mục đích vay để trả nợ khoản vay chung của anh và chị L tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN (cụ thể, ngày 12/01/2022, anh dùng tổng số 259.700.000 đồng trong tổng số 300.000.000 đồng vay anh Th để trả Ngân hàng, số tiền còn lại là anh trừ vào khoản tiền anh đã tự trả cho Ngân hàng tháng kể từ khi anh nộp đơn xin ly hôn chị L tại Tòa án) nên anh nhất trí với yêu cầu của anh Th buộc cả anh và chị L phải có nghĩa vụ trả nợ.

- Nợ Ngân hàng TNHH Một Thành viên SVN 300.000.000 đồng và nợ Ngân hàng TNHH Một Thành viên SCVN 300.000.000 đồng. Anh xác định số tiền này là nợ chung của anh và chị L vì mục đích vay tiền là chi tiêu gia đình và làm kinh tế, người ký giấy vay tiền với Ngân hàng là anh. Anh không có tài liệu chứng cứ, chứng minh về việc anh đã thông báo cho chị L về khoản vay và mục đích dùng khoản vay này cho gia đình.

***Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là chị Mai Thị L trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Ngọc C đăng ký kết hôn ngày 23/02/2017 tại UBND xã PL, huyện QV, tỉnh BN trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chị và anh C có được bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa P và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, chị và anh C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong nhiều vấn đề của cuộc sống hàng ngày. Kể từ tháng 4/2020 đến nay, chị và anh C đã ly thân, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh C xin ly hôn chị nhất trí.

- Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Trần Mai P2, sinh ngày 14/08/2017 và Trần Đình Minh Đ, sinh ngày 17/02/2019. Hiện nay cả 2 con chung đều đang ở với chị tại nhà bố mẹ đẻ chị tại số nhà 233, tổ 1, phường MĐ, Thành phố B, tỉnh B. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả 02 con chung và không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, chị đang làm giáo viên Tr THCS TM và có công việc làm thêm bên ngoài (bán mỹ phẩm online, ship đồ thuê...) thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng đủ điều kiện nuôi con. Chị không đồng ý để anh C nuôi con vì từ khi chị sinh con đến nay, anh C đều phó mặc cho chị, không

chăm lo cho con, mọi chi phí liên quan đến 2 con chung đều do một tay chị lo liệu, anh C hầu như không đóng góp gì.

- Về tài sản chung: Chị yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng như sau:

+ 01 căn hộ chung cư số 1903 có diện tích 57m<sup>2</sup> thuộc chung cư Areca BV, phường DK, Thành phố B, đã được Sở Tài nguyên và môi Tr tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 403872 ngày 07/6/2021 mang tên Trần Ngọc C.

+ Quyền sử dụng 80 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 817, tờ bản đồ: số 35, địa chỉ: Khu dân cư số 4, đường 295B, xã TM, Thành phố B, tỉnh B. Đất được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên Trần Ngọc C, số CN023937 do UBND Thành phố B cấp ngày 20/4/2018.

+ 01 xe ô tô KIA MORNING biển kiểm soát 30E-165.21, màu sơn ghi, xe đã qua sử dụng.

+ Số tiền 313.600.000 đồng là tiền góp vốn để mua lô đất ở số 67 tại khu dân cư phường CĐ, Thành phố SC, tỉnh TN theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 30/HĐHH/2018 với Công ty cổ phần Quốc tế HH.

+ Số tiền 313.600.000 đồng là tiền góp vốn để mua lô đất ở số 66 tại khu dân cư phường CĐ, Thành phố SC, tỉnh TN theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 29/HĐHH/2018 với Công ty cổ phần Quốc tế HH.

\* Đối với 01 xe ô tô KIA MORNING biển kiểm soát 30E-165.21, màu sơn ghi, xe đã qua sử dụng: chiếc xe trên là của chị và anh C mua lại của một người khác, khi đó mọi thủ tục giấy tờ đều do anh C làm và giữ hết giấy tờ. Do đã lâu và chị không giữ giấy tờ gì liên quan đến chiếc xe nên chị không thể cung cấp cho Tòa án thông tin người chủ cũ đã bán xe cho chị là ai và cũng không thể cung cấp giấy tờ gì chứng minh xe đó là tài sản chung của vợ chồng. Anh C trình bày chiếc xe ô tô KIA MORNING biển kiểm soát 30E-165.21 trên là anh C mượn là không chính xác.

\* Đối với số tiền 313.600.000 đồng là tiền góp vốn để mua lô đất ở số 67 tại khu dân cư phường CĐ, Thành phố SC, tỉnh TN theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 30/HĐHH/2018 với Công ty cổ phần Quốc tế HH và số tiền 313.600.000 đồng là tiền góp vốn để mua lô đất ở số 66 tại khu dân cư phường CĐ, Th phố SC, tỉnh TN theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 29/HĐHH/2018 với Công ty cổ phần Quốc tế HH: anh C trình bày và xuất trình Thỏa thuận góp vốn giữa anh C, chị Nguyễn Thị Thu P1, anh Vũ Văn C1 thể hiện anh C chỉ góp vốn 57.200.000 đồng, quan điểm của chị là không đồng ý với lời khai của anh C.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị và anh C có tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết chia tài sản như sau: anh C sẽ toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt Quyền sử dụng 80 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 817, số tiền 313.600.000 đồng là tiền góp vốn để mua lô đất số 67 đồng thời anh C phải có trách nhiệm trả toàn bộ nợ

cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN; Còn chị thì sẽ toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt căn hộ chung cư số 1903 có diện tích 57m<sup>2</sup> thuộc chung cư Areca BV. Để thực hiện được thỏa thuận trên, anh C đã thanh toán khoản nợ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt N để lấy về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với Quyền sử dụng 80 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 817, tờ bản đồ: số 35, địa chỉ: Khu dân cư số 4, đường 295B, xã TM, Thành phố B, tỉnh B. Sau khi anh C thông báo đã lấy được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở Ngân hàng về, ngày 17/01/2022 tại Văn phòng Công chứng Vũ Anh Hg, chị và anh C có đề nghị lập văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng theo như thỏa thuận trên. Tuy nhiên, văn phòng công chứng giải thích chỉ có thể lập văn bản thỏa thuận đối với Quyền sử dụng 80 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 817 tại xã TM và căn hộ chung cư số 1903 tại chung cư Areca BV, còn số tiền 313.600.000 đồng là tiền góp vốn để mua lô đất số 67 và nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng thì không thể lập văn bản thỏa thuận được. Do vậy, ngày 17/01/2022, chị và anh C đã lập 02 văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân với nội dung: giao tài sản chung của chị và anh C là Quyền sử dụng 80 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 817, tờ bản đồ: số 35, địa chỉ: Khu dân cư số 4, đường 295B, xã TM, Thành phố B, tỉnh B cho anh C toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt; giao tài sản chung của chị và anh C là căn hộ chung cư số 1903 có diện tích 57m<sup>2</sup> thuộc chung cư Areca BV, phường DK, Th phố B cho chị toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt. Sau khi ký văn bản tại văn phòng công chứng xong, chị và anh C đều nộp luôn hồ sơ tại Bộ phận 1 cửa của UBND Thành phố để đề nghị C lý sang tên tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cùng ngày ký 02 văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân trên, chị phát hiện anh C không chỉ ký hợp đồng góp vốn mua lô đất ở số 67 tại khu dân cư phường CĐ, Th phố SC, tỉnh TN với Công ty cổ phần đầu tư quốc tế HH, mà anh C còn ký hợp đồng góp vốn để mua lô đất ở số 66 tại khu dân cư phường CĐ, Th phố SC, tỉnh TN theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 29/HĐHH/2018 với Công ty cổ phần Quốc tế HH. Vì anh C có đề nghị Văn phòng công chứng lập văn bản với nội dung: chị xác nhận 02 hợp đồng góp vốn mua lô đất ở số 67 và lô đất ở số 66 trên là do anh C toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt thì chị mới biết. Khi chị phát hiện ra việc anh C còn giấu chị tài sản khác, chị đã trao đổi với anh C rằng chị với anh C cần thỏa thuận thêm về tài sản nhưng anh C không không đồng ý. Do vậy, ngày 18 tháng 01 năm 2022, chị có đơn yêu cầu bổ sung về việc yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng là số tiền 313.600.000 đồng là tiền góp vốn để mua lô đất ở số 66 tại khu dân cư phường CĐ. Ngày 19/7/2022, chị có đơn yêu cầu bổ sung về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố 02 văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh Trần Ngọc C ngày 17/01/2022 tại Văn phòng Công chứng Vũ Anh Hg vô hiệu. Căn cứ yêu cầu của chị do anh C giấu chị tài sản khác nên chị mới thỏa



thuận với anh C như vậy. Trường hợp Tòa án tuyên bố 02 văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh Trần Ngọc C ngày 17/01/2022 tại Văn phòng Công chứng Vũ Anh Hg vô hiệu thì chị không yêu cầu giải quyết hậu quả của văn bản vô chứng vô hiệu.

- Về công nợ:

+ Chị và anh C có nợ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN số tiền tạm tính đến tháng 10/2021 là khoảng 300.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay số 84/18/TH/CN/BG-BL ngày 20/7/2018. Mục đích vay là để mua căn hộ chung cư số 1903 tại chung cư Areca BV. Để đảm bảo cho khoản vay này, chị và anh C có thể chấp Quyền sử dụng 80 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 817, tờ bản đồ: số 35, địa chỉ: Khu dân cư số 4, đường 295B, xã TM, Th phố B, tỉnh B. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C đã thanh toán xong khoản vay này nên chị xác định chị và anh C không còn nợ Ngân hàng nữa.

+ Đối với khoản nợ 100.000.000 đồng mà ông H yêu cầu chị và anh C trả, chị không biết gì khoản vay này, cũng không dùng khoản vay này để dùng vào mục đích chung của gia đình nên chị không đồng ý trả nợ cho ông H. Bản thân anh C khi nộp đơn ra Tòa, anh C trình bày chỉ nợ ông H 50.000.000 đồng, nay ông C và ông H trình bày nợ 100.000.000 đồng thì chứng tỏ trình bày có mâu thuẫn và không đúng sự thực.

+ Đối với khoản nợ 300.000.000 đồng mà anh Th yêu cầu chị và anh C trả, chị không biết gì khoản vay này, cũng không dùng khoản vay này để dùng vào mục đích chung của gia đình nên chị không đồng ý trả nợ cho anh Th.

+ Đối khoản nợ Ngân hàng TNHH Một Thành viên SVN 300.000.000 đồng và nợ Ngân hàng TNHH Một Thành viên SCVN 300.000.000 đồng, anh C xác định số tiền này là nợ chung của vợ chồng thì chị không đồng ý vì khi anh C vay tiền chị không ký giấy vay tiền, không được thông báo, chị không được cùng sử dụng số tiền vay này, anh C cũng không dùng tiền này vào mục đích chung của gia đình.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Trần Văn H trình bày:***

Ông là bố đẻ anh Trần Ngọc C. Anh C và chị L kết hôn tháng 2/2017 sau một thời gian tự do tìm hiểu và có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, anh C và chị L có sinh sống cùng gia đình ông, nhưng thời gian chung sống không nhiều. Chị L làm ở Th phố B nên chủ yếu sinh sống ở Th phố B. Trong quá trình chung sống, anh C và chị L cũng có mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống. Nay anh C xin ly hôn chị L, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Anh C và chị L có 02 con chung là Trần Mai P2, sinh ngày 14/8/2017 và Trần Đình Minh Đ, sinh ngày 17/02/2019. Hiện nay 2 cháu đang ở

cùng chị L. Hiện nay anh C làm công ty, chị L làm giáo viên. Thu nhập của anh C, chị L bao nhiêu ông không rõ.

Tháng 2/2018, anh C có vay của ông 50.000.000 đồng, mục đích vay là để mua đất ở TM. Đầu năm 2019, anh C lại vay của ông 50.000.000 đồng, mục đích vay là để 01 căn hộ chung cư tại khu chung cư BV. Khi vay giữa ông và anh C không lập văn bản giấy tờ gì, chỉ thống nhất là khi nào ông đòi thì anh C sẽ trả tiền chứ không hẹn thời gian cụ thể trả nợ. Tổng số tiền ông cho anh C vay là 100.000.000 đồng. Ông xác định đây là khoản vay của cả anh C và chị L vì mục đích vay là để mua nhà, đất chung của vợ chồng. Ông đề nghị Tòa án buộc cả anh C, chị L phải trả ông 100.000.000 đồng và đề nghị Tòa án giải quyết luôn trong vụ án này.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Trần Văn Th trình bày:***

Ngày 08/01/2022, anh cho anh Trần Ngọc C vay 300.000.000 đồng. Mục đích vay để anh C rút sổ đỏ đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương (Chi nhánh B) để anh C làm thủ tục chia tài sản chung giữa anh C với chị L. Lãi suất vay 12%/năm. Anh yêu cầu anh C, chị L trả anh số tiền 300.000.000 đồng luôn trong vụ án này.

Đối với chiếc xe ô tô KIA MORNING biển kiểm soát 30E-165.21, đăng ký xe tên Đặng Hữu T, màu sơn ghi, đã qua sử dụng là của anh mua lại của anh Chu Văn Nhật (việc mua bán không có giấy tờ gì). Anh mua xe trên được một thời gian thì mua thêm 1 xe khác nên anh cho anh C mượn chiếc xe KIA MORNING trên. Thời gian qua, do cần vốn làm ăn nên anh đã lấy lại xe và bán chiếc xe KIA MORNING để thu hồi vốn.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn C1 trình bày:***

Anh làm cùng công ty với anh Trần Ngọc C. Khoảng tháng 5/2018, anh cùng anh Trần Ngọc C, chị Nguyễn Thị Thu P1 nhận thấy khu đất phân lô tại khu đô thị Th phố SC - TN có tiềm năng để đầu tư nên đã ký hợp đồng góp vốn mua lô đất số 66, 67 với Công ty Cổ phần đầu tư quốc tế HH. Tỷ lệ góp vốn như sau: anh C góp vốn 57.200.000 đồng, chị P1 góp vốn 270.000.000 đồng, anh góp vốn 300.000.000 đồng. Thời hạn góp vốn dự kiến là 5 năm. Để thuận tiện cho việc ký kết mua 2 lô đất trên, anh và chị P1 thống nhất cử anh Trần Ngọc C là người đại diện đứng tên trên 2 Hợp đồng góp vốn mua đất ở với Công ty Cổ phần đầu tư quốc tế HH. Việc thống nhất này được lập thành văn bản thỏa thuận góp vốn dưới sự chứng kiến của ông Hoàng Mạnh Tr và ông Vi Trí C2. Chị L trình bày toàn bộ số tiền 627.200.000 đồng là của tài sản chung của anh C chị L thì anh không đồng ý. Anh xác định tài sản chung của anh C chị L là số tiền 57.200.000 đồng mà anh C đã góp vốn. Để thuận tiện cho việc tiếp tục thực hiện hợp đồng với công ty HH, anh đề nghị Tòa án giao số tiền 57.200.000 đồng góp vốn cho anh C. Trường hợp Tòa án giao tài

sản trên cho anh C, anh đồng ý để anh C tiếp tục đại diện cho anh và chị P tiếp tục ký kết các giấy tờ và thực hiện các thủ tục pháp lý với Công ty Cổ phần đầu tư quốc tế HH.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu P1 trình bày:***

Anh Trần Ngọc C là đồng nghiệp làm cùng công ty với chị từ năm 2015. Khoảng tháng 5/2018, chị cùng anh Trần Ngọc C, anh Vũ Văn C1 đầu tư góp vốn mua lô đất số 66, 67 tại phường CD, Th phố SC, tỉnh TN của Công ty Cổ phần đầu tư quốc tế HH. Tỷ lệ góp vốn như sau: anh C góp vốn 57.200.000 đồng, anh C1 góp vốn 300.000.000 đồng, chị góp vốn 270.000.000 đồng. Số tiền góp vốn là tiền riêng của cá nhân chị. Tại thời điểm góp vốn, anh C1, anh C và chị có lập biên bản thỏa thuận góp vốn và phân chia lợi nhuận theo cổ phần góp vốn, có hai người làm chứng là anh Hoàng Mạnh Tr và anh Vi Trí C2. Chị L trình bày toàn bộ số tiền 627.200.000 đồng là của tài sản chung của anh C chị L thì chị không đồng ý. Chị xác định tài sản chung của anh C chị L là số tiền 57.200.000 đồng mà anh C đã góp vốn. Để thuận tiện cho việc tiếp tục thực hiện hợp đồng với công ty HH, chị đề nghị Tòa án giao số tiền 57.200.000 đồng góp vốn cho anh C. Trường hợp Tòa án giao tài sản trên cho anh C, chị đồng ý để anh C tiếp tục đại diện cho chị và anh C1 tiếp tục ký kết các giấy tờ và thực hiện các thủ tục pháp lý với Công ty Cổ phần đầu tư quốc tế HH.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần đầu tư quốc tế HH trình bày:***

Công ty cổ phần đầu tư quốc tế HH có ký 02 Hợp đồng góp vốn đầu tư số 29/HĐHH/2018 ngày 15/6/2018 và Hợp đồng góp vốn đầu tư số 30/HĐHH/2018 ngày 15/6/2018 với cá nhân anh Trần Ngọc C. Mục đích: tham gia góp vốn đầu tư dự án khu dân cư phường CD để nhận ưu tiên mua sản phẩm liền kề của dự án. Giá trị hợp đồng: 392.000.000 đồng/hợp đồng. P thức góp vốn: anh C góp cho công ty theo 2 đợt trên tổng giá trị góp vốn. Mỗi hợp đồng, anh C đã nộp đợt 1 là 80% tổng giá trị hợp đồng là 313.600.000 đồng. Khi Công ty cổ phần Quốc tế HH ký Hợp đồng góp vốn với anh Trần Ngọc C thì không được anh C thông báo với Công ty hay cung cấp tài liệu chứng cứ gì về việc số tiền góp vốn theo Hợp đồng góp vốn đầu tư là của anh C, anh Vũ Văn C1, chị Vũ Thu P1 cùng đóng góp và anh C được chị P1, anh C1 nhất trí đứng tên, ký hợp đồng góp vốn với Công ty. Công ty cổ phần đầu tư quốc tế HH không yêu cầu độc lập gì trong vụ án này. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định theo quy định.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN trình bày:***

Anh Trần Ngọc C và chị Mai Thị L đã trả hết toàn bộ dư nợ vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên nên Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN không có yêu cầu hay đề nghị gì khác với anh C, chị L.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TNHH Một Thành viên SCVN trình bày:***

Cá nhân anh Trần Ngọc C có một khoản vay cá nhân tại Ngân hàng TNHH Một Thành viên SCVN. Ngày ký hợp đồng: 24/02/2021; Số hợp đồng tín dụng: 1655809; Người ký hợp đồng: Trần Ngọc C; Số tiền vay: 300.000.000 đồng; Mục đích vay: Mua sắm trang thiết bị nội thất; Thời hạn vay: 48 tháng; Lãi suất: 12,24%; Ngày giải ngân: 02/3/2021; Hình thức giải ngân: Giải ngân vào tài khoản của người vay; Phương thức trả nợ: Thanh toán gốc lãi đều hàng tháng; Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Hiện tại, đã trả được 67.328.715 đồng; Còn nợ 232.672.285 đồng. Hiện tại khoản vay của cá nhân anh C chưa bị quá hạn thanh toán, không vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TNHH Một Thành viên SCVN không yêu cầu cá nhân anh C thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ dư nợ.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TNHH Một Thành viên SVN trình bày:***

Ngân hàng TNHH Một Thành viên SVN có ký một hợp đồng tín dụng với anh Trần Ngọc C. Ngày ký hợp đồng: 08/03/2021; Số hợp đồng tín dụng: V0121-11261; Người ký hợp đồng: Trần Ngọc C; Số tiền vay: 300.000.000 đồng; Mục đích vay: Mua xe (là khoản vay tín chấp); Thời hạn vay: 48 tháng; Lãi suất: 13%; Ngày giải ngân: 15/3/2021; Hình thức giải ngân: Giải ngân vào tài khoản của anh Trần Ngọc C mở tại Ngân hàng SVN; P thức trả nợ: Trả góp hàng tháng với số tiền gốc và lãi bằng nhau; Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Hiện tại, đã trả được số tiền gốc 77.576.935 đồng; Số tiền gốc còn lại 222.423.065 đồng. Ngân hàng TNHH Một Thành viên SVN xác định khoản nợ mà anh Trần Ngọc C còn nợ Ngân hàng TNHH Một Thành viên SVN là nợ chung của anh C, chị L vì đây khoản nợ hình Thành trong thời kỳ hôn nhân và mục đích vay là vay tiêu dùng. Ngân hàng TNHH Một Thành viên SVN không yêu cầu anh C, chị L trả nợ trong vụ án này. Trường hợp anh C, chị L vi phạm nghĩa vụ thì Ngân hàng TNHH Một Thành viên SVN sẽ khởi kiện yêu cầu anh C, chị L trả nợ bằng một vụ án khác.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Vũ Anh Hg trình bày:***

Ngày 17/01/2022, Văn phòng công chứng Vũ Anh Hg có nhận được yêu cầu công chứng và toàn bộ hồ sơ của anh Trần Ngọc C, sinh năm 1984 và chị Mai Thị L, sinh năm 1984; trú tại: thôn Ch, xã LP, huyện H, tỉnh B. Anh C, chị L yêu cầu Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân gồm:

- Thừa đất số 1237, tờ bản đồ số 16, địa chỉ khu đô thị mới BV Lake Garden, phường DK, Th phố B, diện tích 3064,2m<sup>2</sup>, nhà ở: Căn hộ chung cư số 1903, Chung cư BV areca garden, diện tích 57,9m<sup>2</sup>. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi tên ông Trần Ngọc C.

- Thừa đất số 817, tờ bản đồ số 35, địa chỉ khu dân cư số 4 trên tuyến đường 295B, xã TM, Th phố B, tỉnh B, diện tích 80,0m<sup>2</sup>. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi tên ông Trần Ngọc C.

Quá trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ, căn cứ các điều 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49 Luật Công chứng 2014 và các Điều 167, 188 Luật đất đai năm 2013. Điều 38 Luật Hôn nhân và gia đình. Công chứng viên Văn phòng Công chứng Vũ Anh Hg đã tiến hành chứng nhận 02 văn bản thỏa thuận theo đúng quy định của pháp luật. Số công chứng 355, 356 quyền số 02/2022. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

***Người làm chứng ông Mai Xuân Khôi trình bày:***

Ông là bố đẻ chị Mai Thị L. Thời gian đầu, vợ chồng anh C chị L sống hòa thuận. Sau một thời gian, anh C và chị L có mâu thuẫn. Nguyên nhân cụ thể như thế nào thì ông không biết được. Tháng 4/2020, chị L chuyển về nhà ông sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Trong thời gian vợ chồng anh C chị L vẫn hòa thuận, ông được biết về việc anh C có mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA MORNING biển kiểm soát 30E-165.21, màu sơn ghi, xe đã qua sử dụng vì vào khoảng năm 2019, do một người bác của gia đình anh C mất nên ông đại diện gia đình lên viếng và hỏi thăm. Khi lên đến nhà anh C ở H, anh C có sử dụng chiếc xe nêu trên đưa ông đến nhà người bác để viếng đám ma; trên đường đi anh C có nói chuyện với ông về việc anh C mới mua chiếc xe KIA MORNING trên, sau khi sang sửa lại chiếc xe hết khoảng gần 200 triệu đồng. Việc anh C mua xe của ai, việc mua bán chuyển nhượng cụ thể như thế nào thì ông không biết, cũng không được chứng kiến.

***Người làm chứng chị Lưu Thị L1 và chị Mai Thị L2 trình bày:***

Vào khoảng tháng 3/2019, khi chị Mai Thị L sinh con thứ hai, chị L1 và chị L2 có được biết việc anh C, chị L có mua một chiếc xe ô tô KIA MORNING (biển kiểm soát cụ thể không nhớ), chỉ nhớ là biển kiểm soát HN, đuôi số cuối là 21, màu sơn ghi; sau khi mua xe xong thì anh C chị L có mời các anh chị em trong gia đình ăn khao xe. Tại buổi khao xe, anh C nói chuyện về việc mua chiếc xe để đưa đón con cái cho tiện, mua xe hết gần 200 triệu đồng, và xe chưa sang tên chính chủ. Việc anh C mua xe của ai, việc mua bán chuyển nhượng cụ thể như thế nào thì chị L1 và chị L2 không biết, cũng không được chứng kiến. Trong khoảng thời gian vợ chồng anh C chị L hòa thuận thì chị Lúa và chị Liên vẫn thấy anh C thường xuyên sử dụng chiếc xe đó để đưa đón 2 mẹ con chị L xuống nhà ông bà ngoại chơi.

***Người làm chứng anh Vi Trí C2 và anh Hoàng Mạnh Tr trình bày:***

Khoảng tháng 5/2018, anh C có nhờ anh C2 và anh Tr làm chứng việc góp vốn giữa anh C, chị Nguyễn Thị Thu P1 và anh Vũ Văn C1 như sau: Anh C1 góp vốn 300.000.000 đồng; Chị P góp vốn 270.000.000 đồng; Anh C góp vốn 57.200.000 đồng. Mục đích góp vốn: Mua 02 lô đất tại khu dân cư phường CĐ, Th phố SC, tỉnh TN. Anh C, chị P1 và anh C1 thỏa thuận anh C có trách nhiệm là người đại diện đứng tên trong 2 Hợp đồng góp vốn với chủ đầu tư của 2 lô đất. Và ba người góp vốn đã lập văn bản thỏa thuận góp vốn dưới sự chứng kiến của anh C2 và anh Tr.

***\* Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập một số tài liệu, chứng cứ.***

- Tại Biên bản làm việc ngày 23/9/2022, trưởng thôn Ch, xã LP, huyện H, tỉnh B cung cấp: Anh Trần Ngọc C có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại địa P. Anh C làm công nhân tại Bắc Ninh, thu nhập cụ thể ra sao thì địa P không rõ. Anh C đi làm xa nên thường xuyên vắng nhà, chỉ thi thoảng được nghỉ làm mới về nhà.

- Tại Biên bản làm việc ngày 22/9/2022, ông Nguyễn Xuân T - Chủ cơ sở Mầm non chất lượng cao Xuân T cung cấp: Cháu Trần Mai P2 và cháu Trần Đình Minh Đ có thời gian học tập tại cơ sở Mầm non chất lượng cao Xuân T, cụ thể: cháu P2 học tập từ khoảng tháng 20/2018 đến tháng 9/2021. Còn cháu Đ học tập tại cơ sở Mầm non từ khoảng tháng 5/2020 đến tháng 9/2021. Chị L là người làm thủ tục đăng ký nhập học cho cả 2 cháu. Quá trình học tập tại cơ sở, chỉ có chị L là người đưa đón các cháu, trực tiếp đóng góp các khoản phí với cơ sở và là người duy nhất trao đổi thông tin với cơ sở mầm non về tình hình học tập của 2 cháu. Quá trình học tập tại cơ sở, ông nội và bố đẻ 2 cháu có đến thăm 2 cháu thì cơ sở đều đồng ý, chưa lần nào từ chối hay gây khó dễ việc ông nội và bố đẻ 2 cháu thăm gặp các cháu.

\* Ngày 19/9/2022, Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất nhưng do nguyên đơn xin hoãn phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Tòa án quyết định hoãn phiên tòa.

***\* Tại phiên tòa hôm nay:***

\* Nguyên đơn anh Trần Ngọc C, người đại diện theo ủy quyền (về vấn đề chia tài sản khi ly hôn) đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh C- ông Trần Quang Đ thống nhất trình bày:

- Anh C và chị L đều xác định không còn tình cảm, đều nhất trí ly hôn nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Về con chung, anh C đề nghị mỗi người nuôi 01 con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C không đồng ý để chị L nuôi cả 2 con chung vì chị L trước đây có nhiều lần cản trở anh C và ông H thăm nom các cháu. Hiện nay anh C đang làm

nhân viên kỹ thuật của công ty TNHH RRD tại HN, thu nhập đảm bảo để nuôi con. Công việc của anh chủ yếu là làm việc trên máy tính kết có nối mạng nên anh có thể chủ động trong công việc, một tuần chỉ đến công ty 2-3 buổi, còn loại có thể làm việc tại nhà. Do vậy, có nhiều thời gian để chăm nom cho con cái.

- Về tài sản chung: Anh C và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh C nhất trí với yêu cầu của chị L về xin rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu tuyên bố 02 văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa anh và chị L ngày 17/01/2022 tại Văn phòng Công chứng Vũ Anh Hg vô hiệu.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh nhất trí về việc rút yêu cầu độc lập của ông H, anh Th.

*\* Bị đơn chị Mai Thị L, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L-ông Nguyễn Văn N thống nhất trình bày:*

- Chị L nhất trí ly hôn anh C và đề nghị Tòa án cho chị được nuôi cả 2 con chung. Chị L không nhất trí để anh C được nuôi 01 con chung vì từ khi hai con sinh ra cho đến nay đều do một mình chị chăm lo cho các cháu. Cả hai con chung đều còn bé, rất cần sự chăm sóc của người mẹ và nếu cả hai cháu được sống cùng nhau sẽ tốt hơn cho sự phát triển của các cháu. Anh C trình bày ít phải đến công ty là không đúng vì khi còn chung sống, anh C thường xuyên phải đi làm xa nhà. Khi chị L và anh C ly thân, chị L chưa khi nào cấm cản anh C và ông H thăm nom con, thậm chí còn cho các cháu về nhà ông bà nội chơi một thời gian dài. Nếu được nuôi cả 2 con chung, chị yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi 01 con chung là 5.000.000 đồng/tháng. Trường hợp nếu chị và anh C mỗi người nuôi một con chung, chị không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu Tòa án tuyên bố 02 văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh C ngày 17/01/2022 tại Văn phòng Công chứng Vũ Anh Hg vô hiệu. Chị và anh C đã tự thỏa thuận xong về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị nhất trí về việc xin rút yêu cầu độc lập của ông H, anh Th.

*\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Duy H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H-ông Nguyễn Văn P thống nhất trình bày:*

Ông H xin rút yêu cầu độc lập, không yêu cầu anh C chị L trả ông số tiền 100.000.000 đồng trong vụ án này. Với tư cách là bố đẻ anh C, bố chồng chị L, ông đề nghị Tòa án xem xét giao cho anh C và chị L mỗi người nuôi con chung, vì khi hai cháu ở cùng chị L, có một vài lần chị L không đồng ý cho ông thăm các cháu. Ông xác nhận anh C có nhiều thời gian làm việc tại nhà như anh C trình bày là đúng.

*\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn Th trình bày:* Anh xin rút yêu cầu độc lập, không yêu cầu anh C chị L trả anh số tiền 300.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 08/01/2022.

*\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn C1 và chị Nguyễn Thị Thu P1 trình bày:* Tại phiên tòa hôm nay, anh C và chị L đã tự thỏa thuận về việc chia tài sản chung và công nợ chung. Anh C có thông báo lại cho anh C1, chị P1 nội dung thỏa thuận. Anh C1, chị P1 nhận thấy việc tự thỏa thuận của anh C, chị L không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của anh chị nên không có ý kiến gì. Anh C1 làm cùng công ty với anh C, chị P1 là đối tác, có một thời gian dài làm việc cùng anh C, xác nhận trình bày của anh C về thu nhập và điều kiện làm việc là đúng.

***\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cơ bản chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 18, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Ngọc C và chị Mai Thị L.

+ Về con chung: Giao chị L nuôi dưỡng Trần Đình Minh Đ, sinh ngày 17/02/2019. Giao anh Trần Ngọc C nuôi dưỡng con chung Trần Mai P, sinh ngày 14/08/2017. Về cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của chị L đối với yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu tuyên 02 văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa anh C và chị L ngày 17/01/2022 tại Văn phòng Công chứng Vũ Anh Hg vô hiệu.

+ Về nghĩa vụ chung về tài sản: Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Trần Văn H về việc buộc anh C chị L trả số tiền 100.000.000 đồng và yêu cầu độc lập của anh Trần Văn Th về việc buộc anh C chị L trả số tiền 300.000.000 đồng.

+ Về án phí: Anh Trần Ngọc C chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả chị L, anh Th số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**



[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trần Ngọc C xin ly hôn chị Mai Thị L, yêu cầu được nuôi con. Chị L yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu nên cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu” theo quy định tại Điều 51, Điều 81 Luật Hôn nhân và khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L hiện cư trú, làm việc tại Thành phố B, tỉnh B. Do vậy, Tòa án nhân dân Thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền, đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN, Ngân hàng SCVN, Ngân hàng SVN, văn phòng công chứng Vũ Anh Hg xin vắng mặt; Công ty cổ phần HH vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Tòa án nhân dân Th phố B xét xử vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh C, chị L kết hôn ngày 23/02/2017 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PL, huyện QV, tỉnh BN và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh C và chị L đều xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, đã ly thân từ tháng 4/2020, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh C vẫn cương quyết ly hôn, chị L đồng ý ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh C và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình cần công nhận thuận tình ly hôn giữa anh C và chị L.

[4] Về con chung:

[4.1] Anh C, chị L có hai con chung là Trần Mai P2, sinh ngày 14/08/2017 và Trần Đình Minh Đ, sinh ngày 17/02/2019. Hiện nay, hai con chung đều đang ở cùng chị L. Sau khi ly hôn, anh C và chị L đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung. Xét thấy anh C, chị L đều có việc làm, có thu nhập, nơi ở ổn định, đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Do vậy, vì lợi ích mọi mặt của cả 2 con chung, cần tiếp tục giao chị L nuôi dưỡng con chung Trần Đình Minh Đ, sinh ngày 17/02/2019, giao anh Trần Ngọc C nuôi dưỡng con chung Trần Mai P2, sinh ngày 14/08/2017 là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4.3] Anh C, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì

lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này đương sự có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Anh C và chị L trình bày đã tự thỏa thuận về việc chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu Tòa án tuyên bố 02 văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh C ngày 17/01/2022 tại Văn phòng Công chứng Vũ Anh Hg vô hiệu. Xét thấy, việc rút các yêu cầu trên của chị L là tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, cần đình chỉ các yêu cầu này của chị L.

[6] Về nghĩa vụ chung về tài sản:

[6.1]. Ông Trần Duy H xin rút yêu cầu độc lập, không yêu cầu anh C chị L trả ông số tiền 100.000.000 đồng. Anh Trần Văn Th xin rút yêu cầu độc lập, không yêu cầu anh C chị L trả anh số tiền 300.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 08/01/2022. Xét thấy, việc rút các yêu cầu trên của ông H, anh Th là tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, cần đình chỉ yêu cầu độc lập của ông H, anh Th.

[6.3]. Đối với khoản nợ của Ngân hàng TNHH Một Thành viên SCVN và Ngân hàng TNHH Một Thành viên SVN: Do của Ngân hàng TNHH Một Thành viên SCVN và Ngân hàng TNHH Một Thành viên SVN không yêu cầu xem xét các khoản nợ trên trong vụ án này nên sau này nếu các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

[7]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Căn cứ khoản 3 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hoàn trả chị L số tiền tạm ứng án phí 33.502.000 đồng đã nộp theo các biên lai số AA/2018/0002474 ngày 18/08/2021, biên lai số 0001335 ngày 18/01/2022, biên lai số 0001663 ngày 19/07/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố B; Hoàn trả anh Trần Văn Th số tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001662 ngày 19/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố B.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ Điều 55, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 11 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 218, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 18,

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

## 2. Xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Ngọc C và chị Mai Thị L.

2.2. Về con chung: Giao con chung là Trần Mai P2 - sinh ngày 14/08/2017 cho anh Trần Ngọc C nuôi dưỡng. Giao con chung Trần Đình Minh Đ - sinh ngày 17/02/2019 cho chị Mai Thị L nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh Trần Ngọc C, chị Mai Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

## 2.3. Về tài sản chung:

- Đình chỉ yêu cầu của chị Mai Thị L về việc chia tài sản chung của vợ chồng đối với các tài sản sau:

+ 01 căn hộ chung cư số 1903 có diện tích 57m<sup>2</sup> thuộc chung cư Areca BV, phường DK, Th phố B, đã được Sở Tài nguyên và môi Tr tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 403872 ngày 07/6/2021 mang tên Trần Ngọc C.

+ Quyền sử dụng 80 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 817, tờ bản đồ: số 35, địa chỉ: Khu dân cư số 4, đường 295B, xã TM, Th phố B, tỉnh B. Đất được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên Trần Ngọc C, số CN023937 do UBND Th phố B cấp ngày 20/4/2018.

+ 01 xe ô tô KIA MORNING biển kiểm soát 30E-165.21, màu sơn ghi, xe đã qua sử dụng.

+ Số tiền 313.600.000 đồng là tiền góp vốn để mua lô đất ở số 67 tại khu dân cư phường CD, Thành phố SC, tỉnh TN theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 30/HĐHH/2018 với Công ty cổ phần Quốc tế HH.

+ Số tiền 313.600.000 đồng là tiền góp vốn để mua lô đất ở số 66 tại khu dân cư phường CD, Thành phố SC, tỉnh TN theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 29/HĐHH/2018 với Công ty cổ phần Quốc tế HH.

- Đình chỉ yêu cầu của chị Mai Thị L về yêu cầu Tòa án tuyên bố 02 văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Mai Thị L và anh Trần Ngọc C ngày 17/01/2022 tại Văn phòng Công chứng Vũ Anh Hg vô hiệu.

## 2.4. Về nghĩa vụ chung về tài sản:

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Trần Duy H về yêu cầu anh C chị L trả ông H số tiền 100.000.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của anh Trần Văn Th xin rút yêu cầu độc lập, không yêu cầu anh C chị L trả anh số tiền 300.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 08/01/2022.

#### 2.5. Về án phí:

- Anh Trần Ngọc C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0002374 ngày 16/07/2021 tại Cục thi hành án dân sự Thành phố B.

- H trả chị Mai Thị L số tiền tạm ứng án phí 33.502.000 đồng đã nộp theo các biên lai số AA/2018/0002474 ngày 18/08/2021, biên lai số 0001335 ngày 18/01/2022, biên lai số 0001663 ngày 19/07/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố B.

- H trả anh Trần Văn Th số tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001662 ngày 19/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố B.

2.7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

2.8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- TAND tỉnh B;
- UBND xã PL,
- h.QV, tỉnh BN;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Phương Thảo**